

Bản án số: 22/2025/DS-ST  
Ngày: 18 - 3 - 2025  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:** Bà **Trần Thu In**

**Các Hội thẩm nhân dân:** Ông **Trương Hoài Khanh**

Bà **Đoàn Thị Liễu**

**Thư ký phiên tòa:** Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà:** Bà **Nguyễn Thị Kim Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 3 và ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 119/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024, về “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

**\* Nguyên đơn:** Ông **Trương Văn Đ**, sinh năm 1950 (có mặt) và bà **Cá Ngọc N**, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: số 74, đường T, khu phố 7, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**\* Bị đơn:**

- Bà **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: số P5-29, đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Ông **Trương Văn Giúp**, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: số 74, đường T, khu phố 7, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

**\* Người làm chứng:** Ông **Đặng Minh Chiến**, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Địa chỉ: số 70, đường T, khu phố 7, phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông **Trương Văn Đ**, bà **Cá Ngọc N** thống nhất trình bày:** Do bà **Nguyễn Thanh H**, và ông **Trương Văn G** chung sống với nhau như vợ chồng, nên khi bà **H** yêu cầu được mượn tiền và vàng để làm ăn thì chúng tôi đồng ý.

Vào ngày 06/3/2019, chúng tôi có cho bà Nguyễn Thanh H mượn 01 cây vàng 24K (tương đương 56.000.000 đồng) trong lúc mượn có sự làm chứng của ông Đặng Minh C. Đến năm 2022, bà H tiếp tục mượn của chúng tôi số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), hai bên không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến.

Vào tháng 02/2023, chúng tôi có đến nhà bà H để yêu cầu trả lại tôi 01 cây vàng 24K và số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), tuy nhiên bà H chỉ hứa hẹn nhưng không thực hiện trả lại vàng và số tiền đã mượn của chúng tôi.

Đến ngày 03/8/2023, chúng tôi tiếp tục liên lạc bà H để yêu cầu bà trả lại vàng và số tiền đã mượn nhưng bà H cố tình né tránh chúng tôi, không chịu hợp tác.

Tổng số tiền và vàng mà bà H còn thiếu chúng tôi là: 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) và 01 cây vàng 24K.

Đến ngày 11/9/2023 chúng tôi có hòa giải tại trụ sở khu phố 8, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang tuy nhiên vụ việc hòa giải không thành.

Việc làm của bà H làm ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi và lợi ích của chúng tôi.

Tại phiên tòa ông Đ, bà N xác định: Do hiện nay bà H và ông G không còn chung sống với nhau; nên ông Đ, bà N yêu cầu Tòa án buộc ông Trương Văn G phải trả số tiền 5.000.000 đồng và 5 chỉ vàng 24K; yêu cầu bà Nguyễn Thanh H phải trả 05 chỉ vàng 24K. Không yêu cầu tính lãi suất.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Trương Văn G trình bày:*

Do tôi và bà Nguyễn Thanh H chung sống với nhau như vợ chồng, nên khi bà H yêu cầu được mượn tiền và vàng để làm ăn thì ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N đồng ý cho mượn.

Vào ngày 06/3/2019, ông Đ, bà N có cho bà Nguyễn Thanh H mượn 01 cây vàng 24K, bà H là người mượn nhưng ông Đ, bà N đưa vàng cho tôi đem bán được số tiền 32.000.000 đồng, tôi lấy 2.000.000 đồng để sửa chữa lại quán cà phê, đem về đưa cho bà H 30.000.000 đồng. Đến năm 2022, bà H tiếp tục mượn của ông Đ, bà N số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), hai bên không có làm biên nhận, không có ai chứng kiến do bà N đưa tiền trực tiếp cho bà H.

Do hiện nay tôi và bà Nguyễn Thanh H không còn chung sống với nhau nữa, nên tôi đồng ý trả cho ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N số tiền 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K; yêu cầu bà Nguyễn Thanh H phải trả cho ông Đ, bà N 05 chỉ vàng

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:* Tôi và ông Trương Văn G chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Việc ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N xác định cho tôi mượn số tiền 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K là không có thật.

Tôi không biết việc mượn tiền và vàng nêu trên, số tiền và vàng nêu trên do ông G mượn của ông Đ, bà N tôi không biết. Trong quá trình chung sống ông G có mang về 02 lần tiền để đóng tiền mặt bằng kinh doanh, lần 01 là hơn 32 triệu đồng, lần 2 là khoảng 50.000.000 đồng, nhưng tôi không biết nguồn tiền từ đâu và không nhớ rõ thời gian. Đến ngày 11/9/2023 khi khu phố 8, phường A mời tôi lên làm việc thì tôi mới biết sự việc nợ nêu trên. Tại khu phố tôi có ý kiến đồng ý trả 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K cho ông Đ, bà N với điều kiện là ông G phải giao lại mặt bằng quán cà phê tại địa chỉ BT 67-68, đường T, phường A để tôi tháo dỡ công trình xây dựng trên mặt bằng quán cà phê thì mới có nguồn tiền để trả nợ nêu trên. Nhưng ông G không đồng ý nên tôi không có khả năng trả số nợ nêu trên.

Tôi không đồng ý trả cho ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N 05 chỉ vàng 24K, trách nhiệm trả số tiền và vàng nêu trên là của ông G không liên quan đến tôi.

*\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) như thụ lý vụ án, tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải, triệu tập đương sự.

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh H, ông Trương Văn G trả số tiền nợ 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K, không yêu cầu tính lãi suất nên đây là tranh chấp dân sự hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thanh H, ông Trương Văn G là bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố R nên Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 BLTTDS.

Về xác định tư cách người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại Điều 68 BLTTDS.

Về xác minh, thu thập chứng cứ được thực hiện đúng quy định tại Điều 96, 97 BLTTDS.

Về trình tự thụ lý vụ án, thông báo về việc thụ lý vụ án cho Viện Kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 BLTTDS.

Việc chấp hành thời hạn gửi, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự tham gia tố tụng đúng quy định tại các Điều 170, 171, 172, 177 BLTTDS. Thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa đúng quy định tại khoản 1, Điều 203 BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa, thủ tục tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm theo quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N, bị đơn bà Nguyễn Thanh H, ông Trương Văn G, người làm chứng Đặng Minh C đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71, 72, 78 BLTTDS.

*Về việc giải quyết vụ án:*

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H và ông Trương Văn G xác định chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 16 Luật hôn nhân gia đình quy định: “Quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn được giải quyết theo thoả thuận của các bên; trong trường hợp không có thoả thuận thì giải quyết theo quy định của Bộ luật dân sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan”.

Tại phiên tòa, Nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N, bị đơn ông Trương Văn G, bà Nguyễn Thanh H thống nhất giá trị 01 cây vàng 24K tương đương số tiền 80.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Trương Văn G đã thống nhất trả cho ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N số tiền 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 40.000.000), do đó có cơ sở để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đ, bà N về việc yêu cầu ông G trả số tiền 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K.

Nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thanh H phải trả 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 40.000.000 đồng). Tuy nhiên, ông Đ, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H có vay 05 chỉ vàng 24K của ông Đ, bà N, chỉ có người làm chứng là ông Đặng Minh C biết sự việc. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/2/2025 ông Đặng Minh C cho rằng ông C không biết việc ông Đ, bà N có cho bà H vay số tiền 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K nhưng ông C có thấy ông Đ tháo chiếc nhẫn mà ông Đ đeo trên tay để đưa cho bà H, nhưng ông C không biết ông Đ đưa chiếc nhẫn cho bà H để làm gì.

Tại phiên tòa, ông Trương Văn G xác nhận ông G là người trực tiếp đi vay 01 cây vàng 24K của ông Đ, bà N, bán ra được số tiền 32.000.000 đồng. Ông G đưa số tiền 30.000.000 đồng cho bà H để hùn vốn đầu tư xây dựng quán cà phê. Bà H cũng thống nhất là không biết việc ông G vay số tiền 5.000.000 đồng, 01 cây vàng 24K của ông Đ, bà N mà chỉ có nhận số tiền 30.000.000 đồng của ông G để hùn vốn đầu tư xây dựng quán cà phê.

Khi bà Nguyễn Thanh H, ông Trương Văn G không còn chung sống với nhau như vợ chồng thì vào ngày 20/7/2023, ông G, bà H đã thoả thuận bà H sẽ giao lại quán cà phê cho ông G kinh doanh nên khi sự việc ông Đ, bà N yêu cầu ông G, bà H trả số tiền 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K được hòa giải tại khu phố 7, phường S, thành phố R vào ngày 11/9/2023 thì bà H có ý kiến nếu ông G giao lại quán cà phê để bà H bán các

công trình đã đầu tư xây dựng quán cà phê thì mới có tiền để trả số tiền nợ 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K cho ông Đ, bà N. Tuy nhiên, đến nay ông G vẫn đang kinh doanh quán cà phê nên số tiền nợ 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K sẽ do ông G trả vì bà H không có vay số tiền 5.000.000 đồng, 01 cây vàng 24K của ông Đ, bà N.

Xét thấy, ông Đ, bà N không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H có vay số tiền 5.000.000 đồng và 01 cây vàng 24K. Bà H và ông G thống nhất bà H có nhận số tiền 30.000.000 đồng của ông G để đầu tư xây dựng quán cà phê. Do đó, bà H không nhận số tiền 5.000.000 đồng, 01 cây vàng 24K từ ông Đ, bà N nên ông Đ, bà N không có quyền khởi kiện yêu cầu bà H trả 05 chỉ vàng 24K.

Từ các cơ sở đã phân tích trên, căn cứ vào Điều 91, 92 Bộ luật tố tụng dân sự, các Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự 2015 đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N yêu cầu ông Trương Văn G phải trả số tiền 5.000.000 đồng, 05 chỉ vàng 24K, bác yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N về việc yêu cầu bà Nguyễn Thanh H trả 05 chỉ vàng 24K.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Văn G, bà Nguyễn Thanh H phải trả số tiền vốn gốc và vàng đã vay. Đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về nội dung vụ án:

*Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; lời trình bày của nguyên đơn; lời trình bày của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N và bị đơn ông Trương Văn G thống nhất xác định bà H có điện thoại hỏi vay tiền và vàng của ông Đ, bà N; do nghĩ bà H là con dâu nên ông bà đồng ý cho vay và ông bà đã đưa cho ông G 01 cây vàng 24K để ông Giúp bán đem tiền về đưa cho bà H. Đối với số tiền gốc 5.000.000 đồng là do bà N đưa trực tiếp cho bà H, khi cho vay tiền và vàng hai bên không có làm biên nhận, từ khi vay tiền và vàng đến nay bà Nguyễn Thanh H, ông Trương Văn G chưa trả số tiền và vàng nêu trên cho ông Đ, bà N.

Tại phiên tòa, ông Đ, bà N và ông G xác định ông G sẽ trả số tiền 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K cho ông bà; yêu cầu bà Nguyễn Thanh H phải trả cho ông Đ, bà N 05 chỉ vàng 24K.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà H không thừa nhận có vay tiền và vàng như trình bày của ông Đ, bà N; đồng thời bà H cũng không đồng ý trả số vàng theo yêu cầu của nguyên đơn.

Đến ngày 11/9/2023, khi Khu phố 8, phường A mời bà H lên làm việc, thì bà H mới biết việc vay tiền và vàng của ông Đ, bà N và cũng không có ý kiến phản đối hay xác định đây là nợ của cá nhân ông Trương Văn G.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/9/2023 của Khu phố 8, phường A bà H có ý kiến bà đồng ý trả số tiền và vàng cho ông Đ, bà N nếu ông G đồng ý giao lại quán cà phê cho bà (BL 05-06).

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 19/02/2025 xác định: “....có thấy ông Đ tháo chiếc nhẫn đang đeo trên tay để đưa cho bà H, nhưng không biết để làm gì....”.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất với giá vàng là 8.000.000 đồng/01 chỉ vàng 24K (80.000.000 đồng/01 lượng vàng 24K).

Xét thấy, bà H biết số nợ tiền và vàng giữa ông G với ông Đ, bà N và bà H cũng đồng ý trả số nợ nêu trên, với điều kiện nếu giữa bà H và ông G thỏa thuận được việc kinh doanh quán cà phê; nhận thấy, ý kiến trả nợ của bà H là tự nguyện, không có ai ép buộc, trường hợp nếu bà H xét thấy việc thỏa thuận chia tài sản giữa bà và ông Giúp không thỏa đáng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H thì bà H có quyền khởi kiện ông G thành vụ kiện khác.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2 Điều 92; Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc ông Trương Văn G phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ, bà N số tiền gốc là 5.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền: 05 chỉ x 8.000.000 đồng/chỉ = 40.000.000 đồng); buộc bà Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Đ, bà N 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền: 05 chỉ x 8.000.000 đồng/chỉ = 40.000.000 đồng).

[4] Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận 01 phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá về quan điểm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bị đơn ông Trương Văn G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 45.000.000 đồng là:  $45.000.000 \times 5\% = 2.250.000$  đồng.

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 40.000.000 đồng là:  $40.000.000 \times 5\% = 2.000.000$  đồng.

Nguyên đơn ông Đ, bà N là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản và đòi tài sản” đối với bị đơn ông Trương Văn G, bà Nguyễn Thanh H.

Buộc ông Trương Văn G phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N số tiền gốc 5.0000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 40.000.000 đồng), tổng cộng là 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ trả cho ông Trương Văn Đ, bà Cá Ngọc N 05 chỉ vàng 24K (tương đương số tiền 40.000.000 đồng) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bị đơn ông Trương Văn G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Nguyễn Thanh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Nguyên đơn ông Đ, bà N là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (18/3/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

\* Nơi nhận:

- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN THU IN**